


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

EDTA-Mn	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 10034-96-5 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: EDTA-Mn	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: EDTA-Mn	
Tên khác (không là tên khoa học):	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Cty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 HT31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: 028-66834499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: dùng trong ngành phân bón và sx phân bón	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
EDTA-Mn	10034-96-5		

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;
- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: kích ứng có thể theo thời gian tiếp xúc với sản phẩm
- Đường thở: có thể gây kích thích đường hô hấp
- Đường da: kích ứng có thể theo thời gian tiếp xúc với sản phẩm
- Đường tiêu hóa: có thể kích ứng miệng và đường hô hấp

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Rửa sạch ngay lập tức và nhiều nước trong ít nhất 10 phút. Mí mắt nên được giữ xa nhãn cầu để đảm bảo rửa kỹ. Tìm kiếm lời khuyên y tế nếu sự kích thích lan ra.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Cởi hết quần áo nhiễm bẩn. Rửa sạch với nước và xà phòng. Tìm kiếm lời khuyên y tế trong trường hợp kích thích. Giặt quần áo trước khi tái sử dụng.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Thông gió tốt khu vực và đi đến không gian thoáng.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Súc miệng, cho uống nước, gây nôn. Nếu nạn nhân là vô thức không gây nôn. Tìm tư vấn y tế.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có): Người sơ cứu phải sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

Có thể giải phóng khói độc hại có chứa các oxit carbon (CO_x) và các oxit nitơ (NO_x)

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...)

Xịt nước, bọt, carbon dioxide (CO_2)

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

Mặt nạ chống nóng quần áo, và thiết bị hô hấp.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Tránh đường thủy và xả thải, cơ quan có thẩm quyền phải được thông báo trong trường hợp vô tình ô nhiễm đường thủy.

Bất kỳ phát hành nên được làm sạch ngay lập tức mặc quần áo bảo vệ (bộ quần áo, găng tay cao su và kính an toàn). Nếu có thể lưu trữ vào một thùng chứa sạch để tái sử dụng hoặc xử lý. Nếu có thể hấp thụ với vật liệu trơ. Rửa khu vực tràn đổ bằng nước

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Tránh hít bụi, tránh tiếp xúc trực tiếp với mắt và da. Cởi bỏ tất cả quần áo bảo hộ trước khi tiếp cận khu vực ăn uống. Không uống hoặc ăn trong khu vực làm việc.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Giữ chặt các thùng chứa ở nơi thoáng khí, cách xa độ ẩm và các nguồn nhiệt.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Sử dụng hệ thống thông gió tốt.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Đeo kính an toàn theo tiêu chuẩn EN166

- Bảo vệ thân thể: Đeo găng tay cao su theo tiêu chuẩn EN374. Mặc toàn bộ da quần áo bảo hộ. Sử dụng mặt nạ chống bụi với bộ lọc P2 nếu có điều kiện

- Bảo vệ chân: mang giày chống thấm

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Trong trường hợp hỏa hoạn và ở gần, mặc áo chống nóng quần áo

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng tinh thể	Điểm sôi (°C): không có sẵn
Màu sắc: màu trắng hay hồng nhạt	Điểm nóng chảy (°C): không có sẵn
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy (°C): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước:	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH:	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m ³)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...)

Ổn định trong điều kiện bảo quản và xử lý thông thường.

2. Khả năng phản ứng:

- Tránh làm nóng sản phẩm ở nhiệt độ cao.
- Liên hệ với các tác nhân oxy hóa mạnh gây ra phản ứng bạo lực
- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
EDTA-Mn	LD50	2000mg/kg	Da, miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

2. Các ảnh hưởng độc khác

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
EDTA-Mn	Chuột	4 giờ (hô hấp)	Độc cấp tính

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy

Phục hồi nếu có thể. Thiêu hủy hoặc thải bỏ theo quy định của nhà nước, quy định liên bang và địa phương. Container rỗng phải được xử lý theo quy định của địa phương.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 20-12-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.